TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THÁI THỤY** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – hạnh phúc**

Bản án số: 41 /2020/HNGĐ-ST
Ngày: 29 - 7 - 2020
V/v: Ly hôn giữa chị V và anh Tr

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hương Lan

Các hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Thúy và ông Ngô Văn Sang

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Diệu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình ghi biên bản phiên tòa

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy: Không

Trong các ngày 30/6/2020 và ngày 29/7/2020, tại phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự hôn nhân và gia đình thụ lý số 318/2019/TLST – HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2019 về việc Tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29A/2020/QĐST- HNGĐ ngày 22/5/2020.

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Thanh V, sinh năm 1982 – *Đề nghị xử vắng mặt;*

Nơi cư trú: thôn AT, xã TD, huyện TT, tỉnh TB

2. Bị đơn: Anh Lê Thành Tr, sinh năm 1984 – *Vắng mặt*

Nơi cư trú: thôn AT, xã TD, huyện TT, tỉnh TB.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các đơn gửi Tòa án nguyên đơn là chị Phạm Thị Thanh V trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Lê Thành Tr kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào ngày 29/01/2018, đăng ký tại UBND xã TD. Sau thời gian ngắn chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do chị và anh Tr không tin tưởng nhau, không tôn trọng nhau. Chị xác định không chung sống lâu dài với anh Tr được nên tháng 4/2019 chị và anh Tr ly thân. Nay chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh Tr.

Về việc nuôi dưỡng con chung: Chị và anh Tr có một con chung là Lê Ánh D, sinh ngày 16/4/2018. Chị đề nghị trực tiếp nuôi dưỡng con sau khi ly hôn, yêu cầu anh Tr cấp dưỡng nuôi con cùng chị mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Về phân chia tài sản chung, nợ chung: Chị và anh Tr không có tài sản chung, không nợ ai nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia tài sản chung, nợ chung.

- Tại bản tự khai ngày 20/01/2020, bị đơn là anh Lê Thành Trung trình bày:

Anh và chị V đăng ký kết hôn vào ngày 29/01/2018, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống vui vẻ, hòa thuận, mâu thuẫn giữa hai vợ chồng chưa đến mức độ phải ly hôn nên anh không đồng ý ly hôn chị V. Anh và chị V có một con chung là Lê Ánh D, sinh ngày 16/4/2018, anh không đồng ý chị V trực tiếp nuôi con, không đồng ý cấp dưỡng nuôi con cho chị V. Anh đề nghị được nuôi con và không yêu cầu chị V cấp dưỡng. Anh không yêu cầu Tòa án phân chia tài sản chung.

Sau khi có bản tự khai, anh Tr vắng mặt. Do không hòa giải được nên phải đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TT phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị V ly hôn anh Tr. Căn cứ vào Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình giao cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng con chung Lê Ánh D, sinh ngày 16/4/2018, chấp nhận việc chị Vân yêu cầu anh Tr cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng. Không đặt ra giải quyết về tài sản chung và nợ chung do các đương sự không yêu cầu. Chị V phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, anh Tr phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*:

Tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn là tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện TT, tỉnh Thái Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thư hai nên căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2]. *Xét yêu cầu của nguyên đơn:*

[2.1]. *Quan hệ hôn nhân*:

Chị V và anh Tr kết hôn hợp pháp, quá trình chung sống từ tháng 1/2019 do chị Vân không còn niềm tin với anh Tr, không còn sự tôn trọng nên cuộc sống chung của anh, chị thường xảy ra va chạm, cãi vã dẫn đến tháng 4/2019 chị V và anh Tr ly thân. Xác minh tại Ủy ban nhân dân xã TD, Hội phụ nữ xã TD và chi hội phụ nữ thôn AT đều phản ánh tình trạng anh chị có mâu thuẫn. Mặc dù anh Tr không đồng ý ly hôn nhưng sau khi đến Tòa án viết bản tự khai anh Tr cũng bỏ mặc không đến hòa giải, không đưa ra được giải pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng, chị V vẫn giữ quan điểm đề nghị giải quyết ly hôn anh Tr. Xét thấy hạnh phúc gia đình phải được xây dựng từ hai phía, mâu thuẫn giữa hai anh chị là có thật và không hòa giải được, cần áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị V ly hôn anh Tr.

[2.2]. *Về con chung*: Chị V và anh Tr đều xác định có một con chung là Lê Ánh D, sinh ngày 16/4/2018. Chị V đề nghị trực tiếp nuôi dưỡng con sau khi ly hôn, yêu cầu anh Tr cấp dưỡng nuôi con cùng chị mỗi tháng 1.000.000 đồng. Cháu Lê Ánh D hiện dưới 36 tháng tuổi nên giao cho chị V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp vớp pháp luật. Hiện anh Tr lao động tự do, có thu nhập nên chấp nhận việc chị V yêu cầu anh Tr cấp dưỡng nuôi con cho chị mỗi tháng 1.000.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 7/2020 đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh Tr có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định.

[2.3]. *Về phân chia tài sản chung, nợ chung*: Do đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. *Về án phí*: Chị Phạm Thị Thanh V phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, anh Lê Thành Trung phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 4 Điều 147; Khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí:

1. Về hôn nhân:

Xử cho chị Phạm Thị Thanh V ly hôn anh Lê Thành Tr;

2.Về việc nuôi dưỡng con chung: Giao cho chị Phạm Thị Thanh V trực tiếp nuôi con Lê Ánh D, sinh ngày 16/4/2018. Buộc anh Tr có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị V mỗi tháng 1.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng

7/2020 đến khi con chung thành niên. Anh Tr có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định.

3. Về phân chia tài sản chung, nợ chung: Do đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí:

Chị Phạm Thị Thanh V phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Đối trừ số tiền được 300.000 đồng tạm ứng án phí chị V đã nộp theo biên lai số 0002039 ngày 28/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thái Thụy. Chị Phạm Thị Thanh V đã nộp đủ án phí. Anh Lê Thành Tr phải nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

5. Quyền kháng cáo:

Chị Phạm Thị Thanh V và anh Lê Thành Tr vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tống đạt hợp lệ bản án.

6. Quyền yêu cầu thi hành án và nghĩa vụ chậm thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự;

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *UBND xã TD;*
- *TAND tỉnh TB;*
- *VKSND tỉnh TB;*
- *VKSND huyện TT;*
- *Thi hành án dân sự huyện TT;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lê Thị Hương Lan